| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 227/2023/DS-ST
Ngày: 25-7-2023
V/v "Tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 268/2022/TLST- DS ngày 13/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Qũy TDND TQĐ; trụ sở: Số 5 đường số 31, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Lê Công T, sinh năm: 1981 Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 153/GUQ-QTD ngày 19/7/2022) – Có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 21/10 TXS, Kp 4, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. - Vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bùi Văn T1, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 21/10 TXS, Kp 4, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 19/8/2022, các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa, ông Lê Công T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Qũy TDND TQĐ (sau đây gọi tắt là QTD) trình bày:*

Ngày 17/4/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc A có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 1-0002688/HĐTD với QTD, có bên bảo lãnh là ông Bùi Văn T1 để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu); mục đích vay để mua xe gắn máy; thời hạn vay 10 tháng; lãi suất cho vay: 9,125%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng; hình thức trả nợ vay: Trả gốc và lãi hàng tuần. Cùng ngày 17/4/2018 bà A đã được QTD giải ngân đủ 20.000.000 đồng.

Căn cứ Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 quy định về biện pháp bảo đảm của Hợp đồng tín dụng trên, QTD đã phát hành thông báo số 147/TB-QTD ngày 13/7/2022 về việc trích tiền từ tài khoản để trả nợ vay.

Sau khi vay nợ, bà A vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho QTD hàng tháng. Cho đến ngày 15/7/2022 thì bà A ngưng không tiếp tục trả. QTD cũng đã tìm cách liên hệ nhiều lần để tạo điều kiện cho bà A trả nợ nhưng bà A luôn tìm cách tránh mặt và đến nay vẫn không tiếp tục trả nợ.

Tính từ khi ngưng trả nợ là ngày 24/7/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử 25/7/2023 thì tổng nợ gốc và nợ lãi bà A đã trả và còn phải trả cụ thể như sau:

| | |
|---|---|
| **Nợ gốc** | : 20.000.000 đồng |
| Đã trả được | : 15.862.400 đồng |
| Còn phải trả | : 4.137.600 đồng |
| Lãi trong hạn | : 3.045.000 đồng |
| Đã trả được | : 600.000 đồng |
| Lãi quá hạn | : 4.171.000 đồng |
| Đã trả được | : 0 đồng |
| **Còn phải trả** | **: 4.171.000 đồng** |

Tổng cộng số tiền bà A còn phải trả là: 10.753.600 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm).

QTD đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử buộc bà A trả cho QTD tổng số tiền gốc, số tiền lãi đến 25/7/2023 tổng cộng là 10.753.600 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm) và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/7/2023 cho đến ngày thực trả hết nợ cho QTD, trả 01 lần ngay sau khi quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì QTD yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn T1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bà

Asố tiền 10.753.600 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm) nêu trên.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A***: đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc A vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1***: đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 nhưng ông Bùi Văn T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn được các bên ký kết số 1-0002688, ngày 17/4/2018 nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì "bà Nguyễn Thị Ngọc A cư ngụ tại số 21/10 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cùng ông Bùi Văn T1 là chồng". Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh:

Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Nguyễn Thị Ngọc A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.3] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên vẫn vắng mặt không lý do. Nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Qũy TDND TQĐ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải thanh toán cho QTD toàn bộ số tiền nợ gốc là 4.137.600 đồng (bốn triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm).

Xét thấy: QTD hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy phép hoạt động số 03/QTDND/NH-GP do chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/9/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn được các bên ký kết số 1-0002688, ngày 17/4/2018, thì Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc A với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu), mục đích vay để mua xe gắn máy; thời hạn vay 10 tháng; lãi suất cho vay: 9,125%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng; hình thức trả nợ vay: Trả gốc và lãi hàng tuần. Xét, chủ thể ký kết,

nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được giải ngân đủ số tiền 20.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 17/4/2018. Theo chứng cứ là sổ phụ tài khoản tiền vay từ ngày 17/4/2018 đến ngày 20/8/2022 cho thấy bà Acũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng cho QTD với tổng số tiền gốc tính đến ngày 15/7/2022 là 15.862.400 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà A ngưng thanh toán cho đến nay. Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn QTD yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả số tiền nợ gốc như trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] QTD yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 25/7/2023 là 6.616.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, tính từ ngày 26/7/2023 đến khi trả hết nợ.

QTD có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện và căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 25/7/2023 là 10.753.600 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm), tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Qũy TDND TQĐ yêu cầu Tòa án trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc A không trả số tiền 10.753.600 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm) thì buộc ông Bùi Văn T1 phải trả thay.

Căn cứ Giấy cam kết bảo lãnh ông Bùi Văn T1 đã ký để bảo lãnh cho khoản nợ 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc A tại Qũy TDND TQĐ thì Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn QTD không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014882, ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7.

[4] Quyền kháng cáo: Qũy TDND TQĐ, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Bùi Văn T1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Xử**:

**1.** Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Qũy TDND TQĐ, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1.

**2.** Về nội dung:

**2.1.** Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho nguyên đơn Qũy TDND TQĐ tổng số tiền là 10.753.600 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm) trong đó: nợ gốc là 4.137.000 đồng; tiền nợ lãi tính đến ngày 25/7/2023 là 6.616.000 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

**2.2.** Kể từ ngày 26/7/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc A còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên ký kết thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn số 1-0002688, ngày 17/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**2.3.** Trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ số tiền 10.753.600 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm) cho nguyên đơn Qũy TDND TQĐ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho nguyên đơn Qũy TDND TQĐ theo đúng nội dung cam kết tại Giấy cam kết bảo lãnh mà ông đã ký kết với nguyên đơn.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 537.680đ (Năm trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Qũy TDND TQĐ số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014882, ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**4.** Quyền kháng cáo: Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Qũy TDND TQĐ, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Bùi Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ. (TK. Thanh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Trang**